TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2024/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 22 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Anh Công Văn D1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ a cụm b phường P, quận T, thành phố Hà Nội.

- Người yêu cầu: Chị Trần Bích N1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ a phường S, quận L, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Công Văn D1 và chị Trần Bích N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và đăng ký kết hôn ngày 23/03/2012 tại UBND phường P, quận T, thành phố Hà Nội; xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay, anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần được công nhận.

[2] Về con chung: Anh Công Văn D1 và chị Trần Bích N1 xác nhận trong thời kì hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Công Ngọc K1, sinh ngày 04/09/2012, cháu Công Phương H1, sinh ngày 22/12/2016;

Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: Chị N1 nuôi dưỡng cháu H1, Anh D1 nuôi dưỡng cháu K1;

Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh D1, chị N1 có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Công Văn D1 và chị Trần Bích N1 xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Công Văn D1 tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Công Văn D1 và chị Trần Bích N1;

1.2 Về con chung: Chị Trần Bích N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Công Phương H1, sinh ngày 22/12/2016. Anh Công Văn D1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Công Ngọc K1, sinh ngày 04/09/2012;

Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh D1, chị N1 có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Công Văn D1 và chị Trần Bích N1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Công Văn D1 tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002417 ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận T;
- CCTHADS quận T;
- UBND phường P, quận T, thành phố Hà Nội (số ĐKKH: 44, quyển số 01/2012 ngày 23/03/2012);
- Các đương sự;
- Lưu HS/VP.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Hoan

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 193/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 19 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Thanh Phương; sinh năm: 1993; HKTT và trú tại: Số 6 ngách 123A/24 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận T, thành phố Hà Nội.

- Người yêu cầu: Anh Hoàng Hà, sinh năm: 1981; HKTT và trú tại: Thôn Cựu Quán, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Phương và anh Hoàng Hà kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và đăng ký kết hôn ngày 22/6/2015 tại UBND phường Thụy Khuê, quận T, thành phố Hà Nội; xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay, anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhân thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần được công nhận.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Phương và anh Hoàng Hà xác nhận trong thời kì hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Minh Nhất - sinh ngày 07/7/2015 và cháu Hoàng Minh Châu - sinh ngày 15/11/2021.

Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: Chị Phương trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nhất và cháu Châu. Anh Hà cấp dưỡng nuôi 02 con là 8.000.000 đồng/tháng (mỗi con 4.000.000 đồng/tháng) kể từ tháng 7/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Hà có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần được chấp nhân.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Phương và anh Hoàng Hà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Hoàng Hà tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh Phương và anh Hoàng Hà.

1.2 Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Phương trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh Nhất - sinh ngày 07/7/2015 và cháu Hoàng Minh Châu - sinh ngày 15/11/2021.

Anh Hà cấp dưỡng nuôi cháu Nhất và cháu Châu là 8.000.000 đồng/tháng (mỗi con 4.000.000 đồng/tháng) kể từ tháng 7/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Hà có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Phương và anh Hoàng Hà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Hoàng Hà tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 33278 ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận T;
- CCTHADS quận T;
- UBND phường Thụy Khuê, quận T, thành phố Hà Nội (số ĐKKH: 53, quyển số 01, ngày 22/6/2015);
- Các đương sự;
- Lưu HS/VP.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Hoan